

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày: 07-6-2019

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA DA QUẬN N THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hoan

- Các Hội thẩm nhA: Ông Trần Văn Sơn

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu – Thư ký Tòa án nhA dA quận N, Tp.Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA Quận N, Tp Đ tham gia phiên toà: Ông Đào Đức Hữu
- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 N 2019 tại trụ sở Tòa án nhA dA quận N, TP. Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/TLST– HS ngày 15 tháng 5 N 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 N 2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ N (Nguyễn Thị D) - Sinh N: 1975 - Tại tỉnh K;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 31, phường H, quận L, TP Đ;

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 8/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có chồng là Thái Thanh T và có 02 con (con lớn sinh N 2013, con nhỏ sinh N 2017).

Tiền án. Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ CÔNG A – Sinh N 1991- Tại tỉnh Đ.

Nơi ĐKNKTT: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

Chỗ ở: Nhà số 274 đường V, TP Đ.

Nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 12/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn C và bà Lê Ngọc Pg; Tiền án. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2018 và được thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 19/12/2018; hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN VĂN T – Sinh N 1986 - Tại tỉnh Đ.

Nơi ĐKNKTT: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Chỗ ở: Tổ 31 phường H, quận L, TP Đ.

Nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 4/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà Đinh Thị P; Tiền án. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2018 và được thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 19/12/2018; hiện đang bị Công an quận T tạm giam vì liên quan đến một vụ án khác - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thảo N – Sinh N 1998.

Trú tại: Ấp B, xã B, huyện H, tỉnh K.

2. Bà Trần Kim L – Sinh N 1987.

Trú tại: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

3. Bà Phạm Diễm M – Sinh N 1997.

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh H.

4. Ông Phùng Văn M– Sinh N 1986.

Trú tại: Tổ 07, p, quận N, thành phố Đ.

5. Ông Phùng T– Sinh N 1972.

Trú tại: Tổ 88, phường M, quận N, thành phố Đ.

6. Ông Lê Văn T– Sinh N 1990.

Trú tại: Tổ 35, phường M, quận N, thành phố Đ.

7. Ông Trần T – Sinh N 1963.

Trú tại: Tổ 50, phường H, quận H, thành phố Đ.

8. Ông Lê K – Sinh N 1997.

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Pp, tỉnh H.

9. Bà Đỗ C – Sinh N 1996.

Trú tại: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh H.

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ 30 phút ngày 25/10/2018, Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP. Đ bắt quả tang tại phòng 04, 05, 06 Cơ sở massage SH (tầng 4 Khách sạn Serene, phường Mỹ

An, quận N, TP. Đ) do Nguyễn Thị N làm chủ có 03 cặp nam nữ đang mua bán dâm tại 03 phòng khác nhau, cụ thể:

Tại phòng 04 có: Lê Thị Thảo N đang bán dâm cho Phùng Văn M. Tang vật tạm giữ của Nguyễn: 03 bao cao su hiệu Vista-se (đã niêm phong).

Tại phòng 05 có: Trần Kim L đang bán dâm cho Phùng Thanh S. Tang vật tạm giữ của Lan: 02 bao cao su hiệu Okubo (đã niêm phong).

Tại phòng 06 có: Phạm Diễm M đang bán dâm cho Lê Văn T. Tang vật tạm giữ của My: 02 bao cao su hiệu Durex (đã niêm phong).

Ngoài ra, Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP. Đ còn tạm giữ:

+ 4.500.000đ (do Lê Công A giao nộp).

+ 10.300.000đ (do bà Đỗ C giao nộp).

+ 15.000.000đ (do Nguyễn Thị N giao nộp).

Qua điều tra xác định: Cơ sở massage SH do Nguyễn Thị N làm chủ, hoạt động từ tháng 5/2016, với giá vé 500.000đ/01 người/01 lượt massage. Tuy nhiên, từ tháng 7/2018, để tăng thêm khách đến massage, N đã đồng ý cho các nhA viên massage (chưa rõ nhA thA, lai lịch – đã nghỉ việc trước khi bị phát hiện) bán dâm cho khách với giá 1.500.000đ/01 người/01 lượt. Đồng thời, N nói Đỗ C khi có khách đến massage thì giới thiệu giá vé 02 loại dịch vụ nêu trên.

Lê Công A và Nguyễn Văn T là nhân viên bảo vệ của Cơ sở massage SH nên biết rõ có hoạt động mua bán dâm. Do đó, ngoài việc bảo vệ, khi có khách đến A và T còn hướng dẫn, bố trí phòng cho khách và gọi nhân viên massage đến phục vụ.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/10/2018, Phùng Văn M, Phùng Thanh S và Lê Văn T đến Cơ sở massage SH. Lúc này, Cẩm không có mặt tại quầy lễ tân nên A giới thiệu cho M, S, T giá vé của 02 loại dịch vụ nêu trên. M, S, T đồng ý mua 03 vé loại 1.500.000đ và T đưa cho A 4.500.000đ, A nói với T “03 vé bo rồi”. Nghe A nói, T hiểu là khách đã đồng ý mua dâm nên dẫn Minh, Sơn, Thắng lần lượt vào các phòng 04, 05, 06 rồi gọi 03 nhA viên massage là Lê Thị Thảo Ng, Trần Kim L và Phạm Diễm M lần lượt vào các phòng 04, 05, 06. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang mua bán dâm thì bị Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP. Đ bắt quả tang.

Theo Nguyễn Thị N khai, đối với số tiền 1.500.000đ thu của mỗi khách mua dâm thì giao cho C nhận và ghi vào 01 tờ giấy để theo dõi, cuối ngày làm việc C trả cho nhân viên massage có bán dâm là 500.000đ, số tiền còn lại C đưa cho N vào sáng ngày hôm sau (trường hợp có lái xe taxi dẫn khách đến mua dâm, C cho lái xe từ 300.000đ đến 400.000đ/01 người). Hằng ngày, sau khi kiểm tra giấy theo dõi việc mua bán dâm do C đưa thì N đã hủy bỏ giấy. N không chia tiền thu lợi từ việc chứa mại dâm cho C, A, T mà chỉ trả lương theo tháng. Tổng số tiền N thu lợi bất chính từ việc chứa mại dâm khoảng 15.000.000đ. Đối với số tiền 10.300.000đ đang bị tạm giữ là tiền kinh doanh của N, không liên quan đến việc chứa mại dâm. Riêng các nhân viên massage và khách đến mua bán dâm trước đó thì N không biết rõ lai lịch cụ thể của mỗi người (phù hợp với lời khai của Đỗ C, Lê Công A và Nguyễn Văn T).

Theo Phùng Văn M, Phùng Thanh S và Lê Văn T khai đây là lần đầu tiên đến mua dâm tại Cơ sở massage **SH**; Lê Thị Thảo N, Trần Kim L và Phạm Diễm M khai trước đó đã bán dâm tại Cơ sở massage SH (Lan khoảng 04 lần, N và M không nhớ mấy lần) nhưng không nhớ thời điểm, không biết lai lịch của khách mua dâm.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-NHS ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận N, TP. Đ thì bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Công A, Nguyễn Văn T bị truy tố về tội: "*Chứa mại dâm*" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị N từ 24 đến 30 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo.

- + Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự xử phạt hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị N với mức từ 10.000.000đ đến 30.000.000đ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 327 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Công A từ 12 đến 18 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 327 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng tù.

- + Đối với thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 25/10/2018 đến ngày 19/12/2018 là 56 ngày đề nghị trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo.

*** Về vật chứng:**

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 07 bao cao su các loại (đã niêm phong) tạm giữ của Lê Thị Thảo N, Trần Kim L và Phạm Diễm M.

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước: 4.500.000đ tạm giữ của Lê Công A và 15.000.000đ tạm giữ của Nguyễn Thị N do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đề nghị tiếp tục quy trừ số tiền 10.300.000đ tạm giữ của Nguyễn Thị N (do Đỗ C giao nộp) để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lúc 20 giờ 30 phút ngày 25/10/2018, tại các phòng 04, 05, 06 của Cơ sở massage SH (tầng 4 Khách sạn Serene, phường M, quận N, TP. Đ – do Nguyễn Thị N làm chủ), Nguyễn Thị N, Lê Công A và Nguyễn Văn T đã có hành vi chứa mại dâm cho 03 cặp nam nữ mua bán dâm.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Công A, Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327

Bộ luật hình sự như cáo trạng số 29/CT-VKS-NHS ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận N đã truy tố và đề nghị mức hình phạt như trên đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[1] Xét tính chất vụ án thì thấy: Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, lỗi của các bị cáo trong vụ án này là lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, trật tự trị an và là nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh nguy hiểm như hoa liễu, giang mai, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS cho cộng đồng. Các bị cáo tuy cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc nên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn nên Viện kiểm sát không truy tố các bị cáo về tình tiết phạm tội có tổ chức là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

Đối với Nguyễn Thị N là người đã có gia đình. Lẽ ra, bị cáo phải phấn đấu lao động, kiếm tiền một cách chính đáng để nuôi dạy các con, đóng góp cho xã hội và thể hiện tấm gương tốt để các con noi theo. Nhưng bị cáo chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhẹ nhàng qua thân xác của người khác nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Trong vụ án, bị cáo là người giữ vai trò then chốt làm kéo theo các bị cáo khác cùng phạm tội.

Từ những nhận định ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng nhằm giáo dục bị cáo và xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bản thân bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhằm răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

Song xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị bệnh bướu diệp thể ác vú trái và lao hạch cổ phải, bị cáo có hai con còn rất nhỏ, đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định ở trên, HĐXX xét thấy không cần thiết phải xử cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương thể hiện sự khoan hồng đối với bị cáo cũng là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Lê Công A, là người có trình độ văn hóa. Lẽ ra, bị cáo phải phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và cống hiến cho xã hội. Nhưng bị cáo đã không làm được điều đó mà bị cáo đã giúp sức trong việc dẫn dắt và tạo điều kiện để cho các chủ thể thực hiện hành vi mua bán dâm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng nhằm giáo dục bị cáo đồng thời răn đe chung trong cộng đồng xã hội.

Song xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ông ngoại bị cáo là người có công với nước. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. HĐXX xét thấy không cần thiết phải xử cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, là người đã trưởng thành. Lẽ ra, bị cáo phải phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng bị cáo đã không làm được điều đó mà bị cáo đã cùng với A giúp sức trong việc dẫn dắt và tạo điều kiện để cho các chủ thể thực hiện hành vi mua bán dâm. Trước đây, bị cáo đã từng bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2018 đến ngày 19/12/2018 là 56 ngày nhưng cơ quan điều tra xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam bị cáo nên đã thay thế biện pháp ngăn chặn để tạo điều kiện cho bị cáo được hòa nhập với cộng đồng và lao động để giúp đỡ gia đình. Nhưng bị cáo là người xem thường pháp luật, trong thời gian được tại ngoại bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc nên đã bị Công an quận Thanh Khê bắt tạm giam, điều đó đã chứng tỏ bị cáo là người không biết tỉnh ngộ, thiếu ý chí phấn đấu và dễ dàng sa ngã vào các tệ nạn xã hội. Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần xử cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mới có tác dụng giáo dục với bản thân bị cáo và răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

Song xét thấy, vai trò của bị cáo trong vụ án là không lớn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, HĐXX xét thấy cần áp dụng để giảm cho bị cáo một phần hình phạt trong lúc lượng hình.

Đối với thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 25/10/2018 đến ngày 19/12/2018 là 56 ngày sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo.

- Đối với Phùng Văn M, Phùng Thanh S, Lê Văn T, Lê Thị Thảo N, Trần Kim L và Phạm Diễm M đã có hành vi mua bán dâm, do đó Công an quận N, TP. Đ đã xử lý hành chính là đúng pháp luật.

- Đối với Đỗ C và Lê K – là bảo vệ của cơ sở massage SH) do chưa đủ cơ sở xác định đồng phạm với Nguyễn Thị N về việc chứa mại dâm vào ngày 25/10/2018 nên Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP. Đ không xử lý hình sự nên HĐXX không đề cập đến.

- Đối với Trần T (là nhân viên làm sổ sách chứng từ, kê khai thuế) không liên quan đến việc chứa mại dâm của Nguyễn Thị N nên Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP. Đ không xử lý là có căn cứ.

Về việc Nguyễn Thị N, Lê Công A, Nguyễn Văn T và Đỗ C khai có hành vi chứa mại dâm trước đó tại Cơ sở massage SH; Lê Thị Thảo N, Trần Kim L và Phạm Diễm M khai trước đó đã bán dâm tại Cơ sở massage SH nhưng không nhớ thời điểm, không biết lai lịch của khách mua dâm. Qua điều tra chưa đủ cơ sở xử lý. Do đó, đề nghị Cơ quan CSĐT – Công an quận N, TP. Đ tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về vật chứng:

- Đối với 07 bao cao su các loại (đã niêm phong) tạm giữ của Lê Thị Thảo N, Trần Kim L và Phạm Diễm M, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 4.500.000đ tạm giữ của Lê Công A và 15.000.000đ tạm giữ của Nguyễn Thị N do liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 10.300.000đ tạm giữ của Nguyễn Thị N cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Công A, Nguyễn Văn T phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 07/6/2019.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt bổ sung là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường H, quận L, TP Đ quản lý, giáo dục trong suốt thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Công A 15 (mười lăm) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 07/6/2019.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đ quản lý, giáo dục trong suốt thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Nhưng được trừ 56 ngày bị tạm giữ, tạm giam trước đây. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 10 (mười) tháng, 04 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 07 bao cao su các loại (đã niêm phong).

(Vật chứng trên, hiện do Chi cục Thi hành án DA sự quận N quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2019).

- Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước: 4.500.000đ của Lê Công A và 15.000.000đ của Nguyễn Thị N.

- Tuyên tiếp tục quy trừ 10.300.000đ của Nguyễn Thị N để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả các khoản tiền trên, hiện do Kho bạc Nhà nước quận N quản lý theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9046960.00000 lập ngày 05/12/2018 với số tiền 14.800.000đ và ngày 26/3/2019 với số tiền 15.000.000đ).

*** Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Công A và bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/6/2019.

Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;
- Công an quận NHS;
- Công an trại tạm giam Tp Đ;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hoan